

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 108 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 9 năm 2023
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Thái Văn Thành – Ông Phan Văn Hưng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023, về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2023/QĐST- HNGĐ ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178 /2023/QĐ-HPT ngày 18/9/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Thu T, sinh ngày 17/9/1991.

Trú tại: xóm G, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn:** Anh Bùi Công T1, sinh ngày 01/5/1991.

Trú tại: xóm 7, xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai của nguyên đơn thì vụ án có nội dung.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Công T1 đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36/2016 ngày 05/01/2016. Trước khi làm thủ tục đăng ký kết hôn chị T, anh T1 có quá trình yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân và tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo chị T thì sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, trong cuộc sống chung có nhiều va

chạm, xử sự không đúng mực đối với nhau, gây khó chịu cho nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng làm ảnh hưởng đến công việc, sức khỏe và tinh thần của chị T. Mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã hòa giải với nhau nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện, ngược lại mâu thuẫn ngày càng sâu sắc trầm trọng hơn. Do mâu thuẫn sâu sắc chị T xác định hôn nhân giữa chị T và anh T1 đã tan ra đổ vỡ nên chị T2 chủ động sống ly thân, cắt đứt liên lạc đối với anh T1 từ tháng 5/2022 đến nay. Chị T xác định không còn tình cảm đối với anh T1 nữa, hôn nhân giữa hai người đã hoàn toàn đổ vỡ, dù có hòa giải đến đâu thì vợ chồng cũng không đoàn tụ. Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Công T1 để ổn định cuộc sống.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có một con chung, cháu Bùi Thị Thu H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/9/2016. Con chung hiện nay đang được chị T và bên ngoại trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, thỉnh thoảng anh T1 có chu cấp nuôi con chung. Nếu ly hôn chị T đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Công T1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu anh có mặt tại tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh không hợp tác, cố tình vắng mặt, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của bị đơn. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại địa phương thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Công T1 cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu nguyên đơn, bị đơn có mặt tại tòa án để giải quyết, nhưng bị đơn anh Bùi Công T1 không chấp hành, không hợp tác. Do đó Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã Quyết định hoãn phiên tòa, ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án. Tòa án tiếp tục tổng đạt, hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại

phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điểm a, b Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Công T1 được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Chị T, anh T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Y, tỉnh Nghệ An, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 36/2016 ngày 05/01 /2016, nên xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Thu T và anh Bùi Công T1 là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa chị T, anh T1 tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung, vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói, lối đi chung trong hôn nhân. Do đó các bên đã có những lời nói, xử sự không đúng mực với nhau. Hôn nhân của chị T, anh T1 đổ vỡ kể từ ngày vợ chồng sống ly thân. Quá trình sống ly thân các bên không có ý thức hòa giải, níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa chị T, anh T1 đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa hai người không còn, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T1 là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Công T1.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Cùng với sự hỗ trợ nuôi con của anh T1, chị T đã nuôi con tốt, dạy con ngoan, con chung phát triển tốt về mọi mặt, thể hiện người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Nay chị T đề nghị giao con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội, quyền lợi của con chung được bảo đảm. Do đó cần áp dụng Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Trần Thị Thu T.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T1 cho đến lúc chị T có đơn yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản: Chị Trần Thị Thu T không yêu cầu tòa giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc chị Trần Thị Thu T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trần Thị Thu T được ly hôn anh Bùi Công T1.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Bùi Thị Thu H (Giới tính: Nữ), sinh ngày 16/9/2016 cho chị Trần Thị Thu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Bùi Công T1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T không yêu cầu.

Anh Bùi Công T1 người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trần Thị Thu T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Án phí chị T phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai nộp tiền số: AA/2022/0001049 ngày 01/8/2023, chị T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã V, huyện Y, Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của nguyên đơn, bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã V(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc